

CÔNG KHAI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐANG HOẠT ĐỘNG

1. Tên chương trình: Kỹ thuật cơ khí

2. Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

3. Ngành đào tạo: Kỹ thuật cơ khí

4. Mã ngành: 9520103

5. Hình thức đào tạo: Chính quy

STT	Nội dung	Trình độ tiến sĩ
1.	Chuẩn đầu vào	Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp từ loại giỏi trở lên, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, hoặc bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành đúng, ngành/chuyên ngành phù hợp hoặc ngành/chuyên ngành gần với ngành Kỹ thuật cơ khí, đáp ứng những điều kiện sau đây: a. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên. b. Có đủ sức khỏe để học tập. c. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành. d. Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; tóm tắt về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu dự kiến; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo và đề xuất người hướng dẫn. e. Có thư xác nhận đồng ý hướng dẫn của ít nhất một giảng viên đạt đủ các điều kiện hướng dẫn nghiên cứu tiến sĩ và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Trong thư có đánh giá thái độ và năng lực nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển và tính khả thi của đề tài. Người hướng dẫn trình bày sơ lược về khả năng huy động các đề tài, dự án nghiên cứu, nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu hoặc khả năng huy động trang thiết bị cho việc nghiên cứu. f. Về ngoại ngữ, người dự tuyển phải đạt một trong các yêu cầu sau: - Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ (quy định theo bảng ở dưới) hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ

STT	Nội dung	Trình độ tiến sĩ																																									
		bậc 4 trở lên (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố. Chứng chỉ phải còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển;																																									
		<table><tr><th>STT</th><th>Ngôn ngữ</th><th>Bảng/Chứng chỉ/Chứng nhận</th><th>Trình độ/Thang điểm</th></tr><tr><td rowspan="3">1</td><td rowspan="3">Tiếng Anh</td><td>TOEFL iBT</td><td>Từ 46 trở lên</td></tr><tr><td>IELTS</td><td>Từ 5,5 trở lên</td></tr><tr><td>Cambridge Assessment English</td><td>B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm từ 160 trở lên</td></tr><tr><td>2</td><td>Tiếng Pháp</td><td>CIEP/Alliance Française diplomas</td><td>TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue</td></tr><tr><td rowspan="2">3</td><td rowspan="2">Tiếng Đức</td><td>Goeth - Institut</td><td>Goeth – Zertifikat B2 trở lên</td></tr><tr><td>The German TestDaF language certificate</td><td>TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên</td></tr><tr><td>4</td><td>Tiếng Trung Quốc</td><td>Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)</td><td>HSK level 4 trở lên</td></tr><tr><td>5</td><td>Tiếng Nhật</td><td>Japanese Language Proficiency Test (JLPT)</td><td>N3 trở lên</td></tr><tr><td>6</td><td>Tiếng Nga</td><td>ТРКИ – Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)</td><td>ТРКИ – 2 trở lên</td></tr><tr><td>7</td><td>Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác</td><td>Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam</td><td>Từ bậc 4 trở lên</td></tr></table>				STT	Ngôn ngữ	Bảng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm	1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên	IELTS	Từ 5,5 trở lên	Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm từ 160 trở lên	2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance Française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue	3	Tiếng Đức	Goeth - Institut	Goeth – Zertifikat B2 trở lên	The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên	4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên	5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên	6	Tiếng Nga	ТРКИ – Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ – 2 trở lên	7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên
STT	Ngôn ngữ	Bảng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm																																								
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên																																								
		IELTS	Từ 5,5 trở lên																																								
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm từ 160 trở lên																																								
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance Française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue																																								
3	Tiếng Đức	Goeth - Institut	Goeth – Zertifikat B2 trở lên																																								
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên																																								
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên																																								
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên																																								
6	Tiếng Nga	ТРКИ – Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ – 2 trở lên																																								
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên																																								
		Bảng: Các chứng chỉ ngoại ngữ																																									
2.	Chuẩn đầu ra	Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo		MĐNL																																						
		a	Kiến thức																																								
		PLO1	Có kiến thức cơ sở kỹ thuật nền tảng, kiến thức chuyên ngành cốt lõi, tiên tiến và chuyên sâu để đề xuất giải pháp cho vấn đề thuộc ngành Kỹ thuật cơ khí hay liên quan đa ngành.		C6																																						

STT	Nội dung	Trình độ tiến sĩ		
		PLO2	Có kiến thức về quản trị để xây dựng nhóm nghiên cứu và các mục tiêu của nhóm, có kiến thức quản lý để tổ chức, điều hành hoạt động nghiên cứu khoa học của nhóm nghiên cứu hướng tới mục tiêu đã đề ra.	C4
		b	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân	
		PLO3	Phát triển kỹ năng liên kết các lý thuyết khoa học thuộc kỹ thuật cơ khí, các phương pháp tính hiện đại, phương pháp thiết kế nghiên cứu cùng với các công cụ nghiên cứu khoa học tiên tiến để hình thành hướng nghiên cứu, thiết kế thực nghiệm phục vụ nghiên cứu và dẫn dắt tới kết quả nghiên cứu.	P5
		PLO4	Hình thành phẩm chất liêm chính trong nghiên cứu khoa học khi sử dụng số liệu trung thực, tôn trọng đạo đức nghiên cứu và tuân thủ luật tác quyền.	A5
		c	Kỹ năng tương tác	
		PLO5	Phối hợp nhuần nhuyễn giữa giao tiếp hiệu quả, tư duy phản biện, sáng tạo giải quyết vấn đề và kỹ năng lãnh đạo để quản trị và quản lý điều hành chuyên môn trong nghiên cứu của nhóm.	P4
		d	Năng lực thực hành nghề nghiệp (Năng lực tự chủ)	
		PLO6	Phối hợp kiến thức khoa học chắc chắn với nghiên cứu khoa học để giải quyết vấn đề thực tế cấp thiết hay phát triển tri thức mới và công bố khoa học.	R4
3.	Điều kiện thực hiện CTĐT	* Điều kiện về Đội ngũ; Điều kiện về CSVC: https://huit.edu.vn/gioi-thieu/bao-cao-cong-khai-trong-hoat-dong-cua-truong-dai-hoc-cong-thuong-tp-ho-chi-minh-nam-2026		
4.	Mẫu văn bằng chứng chỉ	https://pdaotao.huit.edu.vn/bieu-mau/bieu-mau-van-bang		

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Hoàn

